

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật bổ sung thực hiện tại
Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nam**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ NGHỆ AN

Căn cứ Quyết định số 57/2012/QĐ-UBND ngày 10/8/2012 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ vào kết quả thẩm định danh mục kỹ thuật và kết luận của Hội đồng chuyên môn Sở Y tế;

Xét đề nghị ông Trưởng phòng Nghiệp Vụ Y, Sở Y tế Nghệ An,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt các kỹ thuật bổ sung thực hiện tại Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nam: 95 kỹ thuật (danh mục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Trên cơ sở phân tuyến kỹ thuật và danh mục kỹ thuật được phê duyệt, Giám đốc Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nam có trách nhiệm triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Các kỹ thuật đã được Sở Y tế phê duyệt bổ sung, là cơ sở để đơn vị thực hiện và cơ quan Bảo hiểm xã hội Nghệ An thanh toán khám, chữa bệnh và chuyển tuyến cho người bệnh có thẻ bảo hiểm y tế.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Giao cho phòng Nghiệp Vụ Y và các phòng ban liên quan chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện. Các ông (bà) trưởng các phòng ban Văn phòng Sở Y tế, Giám đốc đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BHXH tỉnh (p/h);
- Lãnh đạo Sở (b/c);
- Lưu: VT, NVY.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đậu Huy Hoàn

Phụ lục: Danh mục kỹ thuật phê duyệt bổ sung thực hiện tại bệnh viện ĐKKV Tây Nam
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1803/QĐ-SYT ngày 13 tháng 12 năm 2016)

Số TT	Số TT THEO TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4			
			A	B	C	D
		I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC				
		A. TUẦN HOÀN				
1.	16	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm liên tục ≤ 8 giờ	x	x		
2.	29	Đo độ bão hòa oxy tĩnh mạch trung tâm (ScvO2)	x	x		
3.	30	Đo độ bão hòa oxy tĩnh mạch cảnh (SjvO2)	x	x		
4.	31	Đo độ bão hòa oxy tĩnh mạch trộn (SvO2)	x	x		
5.	33	Đặt máy khử rung tự động	x	x		
6.	34	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng máy sốc điện	x	x	x	
		B. HÔ HẤP				
7.	67	Đặt nội khí quản 2 nòng	x	x		
8.	68	Đặt nội khí quản cấp cứu bằng Combitube	x	x	x	
9.	83	Theo dõi ETCO2 ≤ 8 giờ	x	x		
10.	139	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức APRV ≤ 8 giờ	x	x		
11.	140	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức NAVA ≤ 8 giờ	x			
12.	141	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức HFO ≤ 8 giờ	x			
13.	142	Thông khí nhân tạo kiểu áp lực thể tích với đích thể tích (VCV+ hay MMV+Assure)	x			
14.	148	Thủ thuật huy động phế nang 40/40	x	x		
15.	149	Thủ thuật huy động phế nang 60/40	x	x		
16.	150	Thủ thuật huy động phế nang PCV	x	x		
		D. THẦN KINH				
17.	207	Ghi điện não đồ cấp cứu	x	x		
		E. TOÀN THÂN				

thuy

18.	271	Dùng thuốc kháng độc điều trị giải độc	x	x		
		G. XÉT NGHIỆM				
19.	287	Đo lactat trong máu	x	x	x	
20.	290	Xét nghiệm cồn trong hơi thở	x	x		
		II. NỘI KHOA				
		B. TIM MẠCH				
21.	95	Holter điện tâm đồ	x	x	x	
22.	96	Holter huyết áp	x	x	x	
23.	109	Nghiệm pháp gắng sức điện tâm đồ	x	x		
		VIII. Y HỌC CỔ TRUYỀN				
		A.Kỹ thuật chung				
24.	483	Xoa bóp bấm huyết bằng tay				
25.	484	Xoa bóp bấm huyết bằng máy				
		E. Điện Châm				
26.	285	Điện châm điều trị phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt	x	x	x	x
27.	289	Điện châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	x	x	x	x
28.	292	Điện châm điều trị rối loạn tiểu tiện	x	x	x	x
29.	293	Điện châm điều trị bí đái cơ năng	x	x	x	x
30.	295	Điện châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	x	x	x	x
31.	296	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn động cột sống	x	x	x	x
32.	297	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	x	x	x	x
33.	298	Điện châm điều trị liệt nửa người	x	x	x	x
34.	299	Điện châm điều trị liệt do bệnh của cơ	x	x	x	x
35.	300	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi, teo cơ	x	x	x	x
36.	307	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác nông	x	x	x	x
37.	314	Điện châm điều trị ù tai	x	x	x	x
38.	316	Điện châm điều trị liệt do tổn thương đám rối dây thần kinh	x	x	x	x
39.	320	Điện châm điều trị liệt do viêm đa rễ, đa dây thần kinh	x	x	x	x
		G. Xoa bóp bấm huyết				
40.	394	Xoa bóp bấm huyết điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	x	x	x	x
41.	395	Xoa bóp bấm huyết phục hồi chức năng	x	x	x	x

		vận động ở trẻ bại não				
42.	399	Xoa bóp bấm huyết điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ em	x	x	x	x
43.	402	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt do bệnh của cơ	x	x	x	x
44.	421	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm mũi xoang	x	x	x	x
45.	445	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn chức năng vận động do chấn thương sọ não	x	x	x	x
46.	446	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	x
		XVII. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG				
		A. VẬT LÝ TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp điều trị cho người bệnh)				
47.	5	Điều trị bằng dòng điện một chiều đều	x	x	x	
48.	6	Điều trị bằng điện phân dẫn thuốc	x	x	x	
49.	7	Điều trị bằng các dòng điện xung	x	x	x	
50.	8	Điều trị bằng siêu âm	x	x	x	
51.	10	Điều trị bằng dòng giao thoa	x	x	x	
		B. VẬN ĐỘNG TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)				
52.	52	Tập vận động thụ động	x	x	x	x
53.	54	Tập vận động chủ động	x	x	x	x
54.	168	Kỹ thuật xoa bóp bằng máy				
		X. NGOẠI KHOA				
		A. THẦN KINH - SỌ NÃO				
		1. Sọ não				
55.	3	Phẫu thuật vết thương sọ não (có rách màng não)	x	x		
56.	4	Phẫu thuật xử lý lún sọ không có vết thương	x	x		
57.	5	Phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng trên lều tiểu não	x	x		
58.	6	Phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng dưới lều tiểu não (hố sau)	x	x		
59.	7	Phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng nhiều vị trí trên lều và/hoặc dưới lều tiểu não	x	x		
60.	8	Phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng	x	x		

		cấp tính				
61.	9	Phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng mạn tính một bên	x	x		
62.	10	Phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng mạn tính hai bên	x	x		
63.	11	Phẫu thuật dẫn lưu máu tụ trong não thất	x	x		
64.	15	Phẫu thuật mở nắp sọ giải ép trong tăng áp lực nội sọ (do máu tụ, thiếu máu não, phù não)	x	x		
		D. TIÊU HÓA				
		7. Tầng sinh môn				
65.	552	Phẫu thuật Longo	x	x		
66.	553	Phẫu thuật Longo kết hợp với khâu treo trĩ	x	x		
		XIV. MẮT				
67.	05	Phẫu thuật tán nhãn thể thủy tinh bằng siêu âm (Phaco) có hoặc không đặt IOL	x	x		
		XXII. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU				
		A. XÉT NGHIỆM ĐỒNG MÁU				
68.	4	Xét nghiệm nhanh INR (Có thể kèm theo cả chỉ số PT%, PTs) bằng máy cầm tay	x	x	x	x
69.	5	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hoá (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time), (Tên khác: TCK) bằng máy tự động	x	x	x	
70.	8	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy tự động	x	x	x	
71.	11	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng máy tự động	x	x	x	
72.	13	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss-phương pháp trực tiếp, bằng máy tự động	x	x	x	
73.	15	Nghiệm pháp rượu (Ethanol test)	x	x	x	
74.	17	Nghiệm pháp Von-Kaulla	x	x	x	
75.	23	Định lượng D-Dimer	x	x	x	
		C. TẾ BÀO HỌC				
76.	135	Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng máy	x	x	x	

		đếm laser)				
77.	150	Xét nghiệm tế bào trong nước tiểu (bằng máy tự động)	x	x		
78.	153	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản...) bằng máy phân tích huyết học tự động	x	x	x	
79.	164	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng máy đếm laser)	x	x	x	
		Đ. MIỄN DỊCH HUYẾT HỌC				
80.	352	Điện di huyết sắc tố	x	x	x	
		G. TRUYỀN MÁU				
81.	459	Xét nghiệm sàng lọc HIV, Viêm gan B, Viêm gan C đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật hoá phát quang	x	x		
		XXIII. HÓA SINH				
82.	13	Định lượng Anti CCP	x			
83.	39	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen)	x	x		
84.	60	Định lượng Ethanol (cồn)	x	x		
85.	63	Định lượng Ferritin	x	x		
		XXVII. PHẪU THUẬT NỘI SOI				
		Đ. TIẾT NIỆU-SINH DỤC				
		1. Thận				
86.	347	Phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang thận qua phúc mạc	x			
87.	348	Phẫu thuật nội soi cắt nang thận qua phúc mạc	x			
88.	350	Phẫu thuật nội soi cắt nang thận sau phúc mạc	x			
		3. Bàng quang				
89.	383	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa bàng quang	x			
90.	385	Nội soi bàng quang cắt u	x	x		
91.	386	Cắt u bàng quang tái phát qua nội soi	x	x		
		5. Sinh dục, niệu đạo				
92.	405	Phẫu thuật nội soi cắt tinh hoàn trong ổ bụng	x	x		

93.	406	Phẫu thuật nội soi thắt tĩnh mạch tinh	x	x		
		8. Buồng trứng – Vòi trứng				
94.	432	Phẫu thuật nội soi u buồng trứng trên bệnh nhân có thai	x	x		
95.	436	Cắt u buồng trứng + tử cung qua nội soi	x	x		

SỞ Y TẾ NGHỆ AN

Thuy